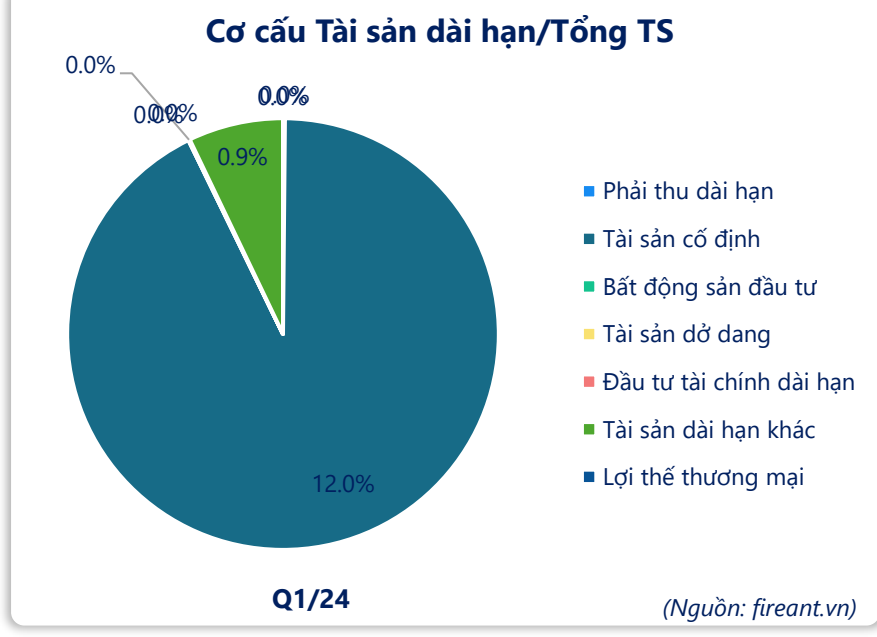
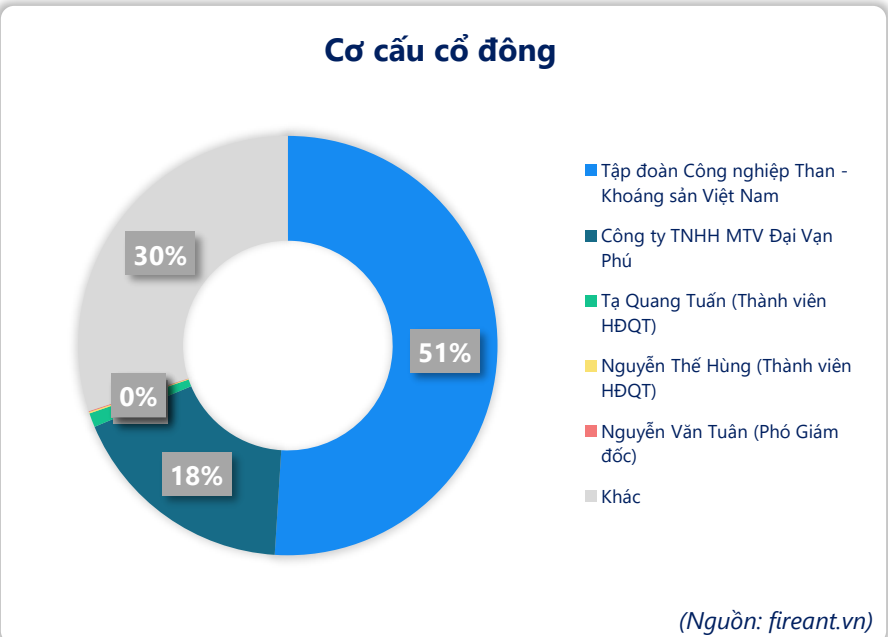
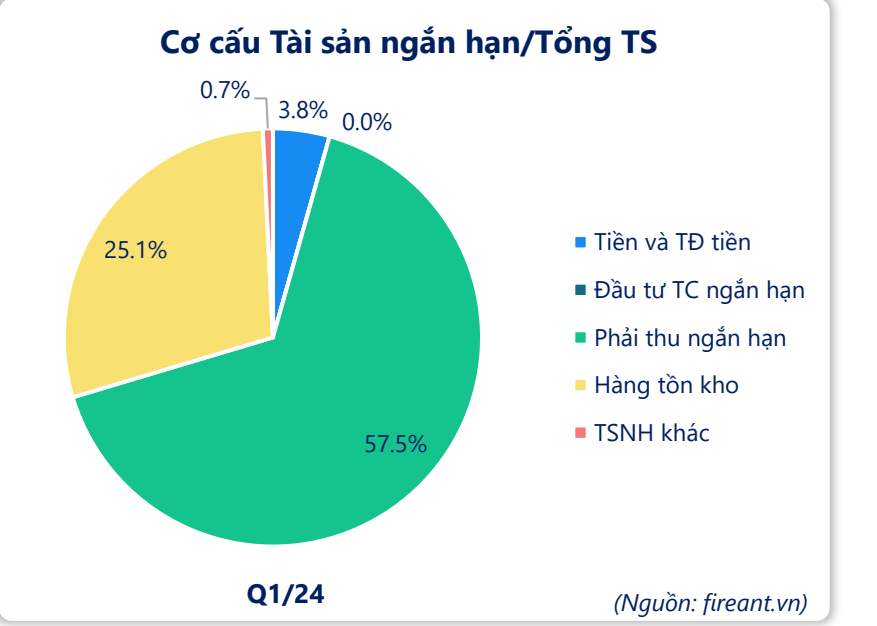
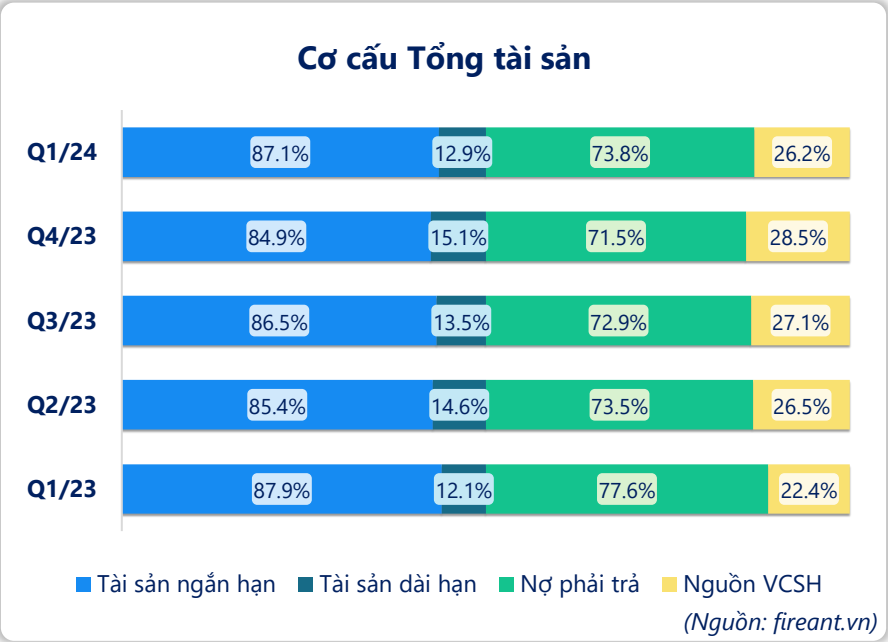
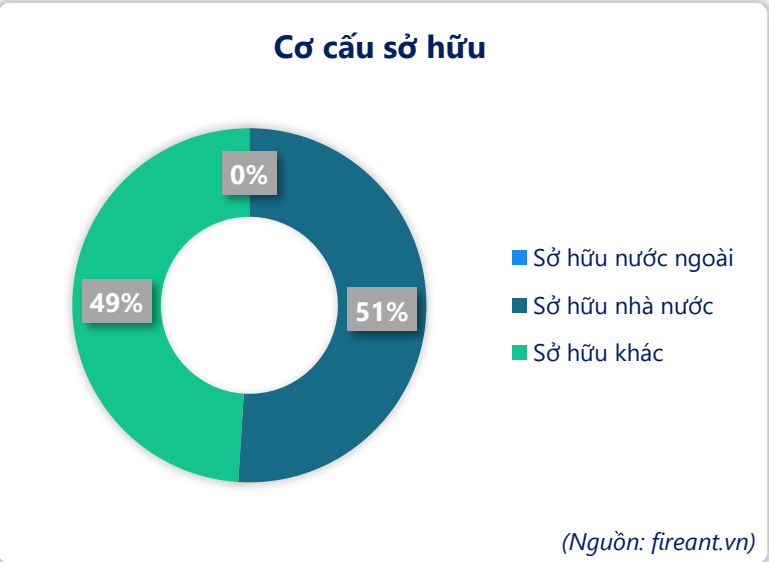
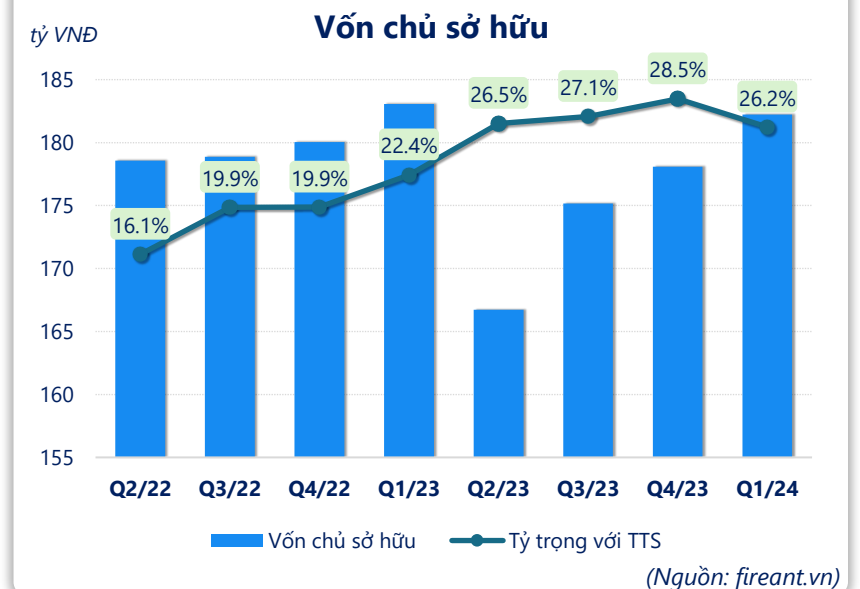
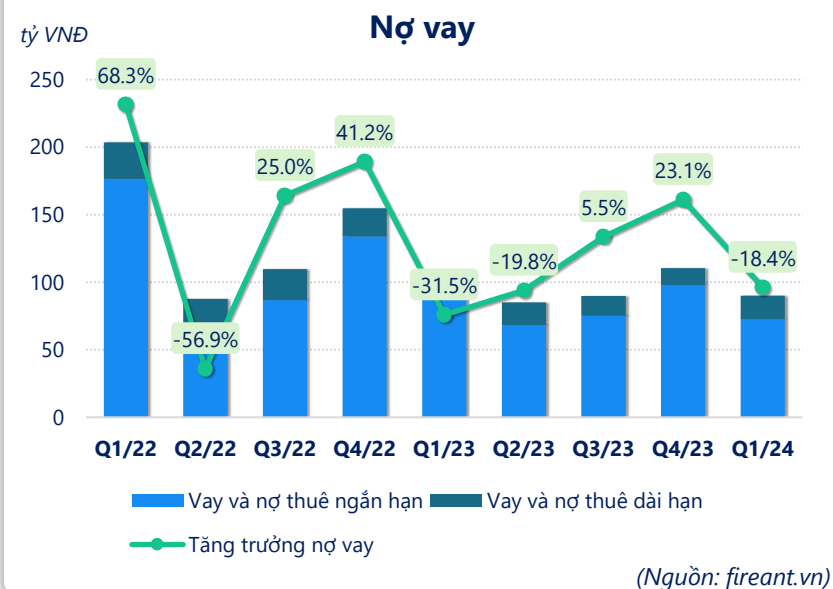
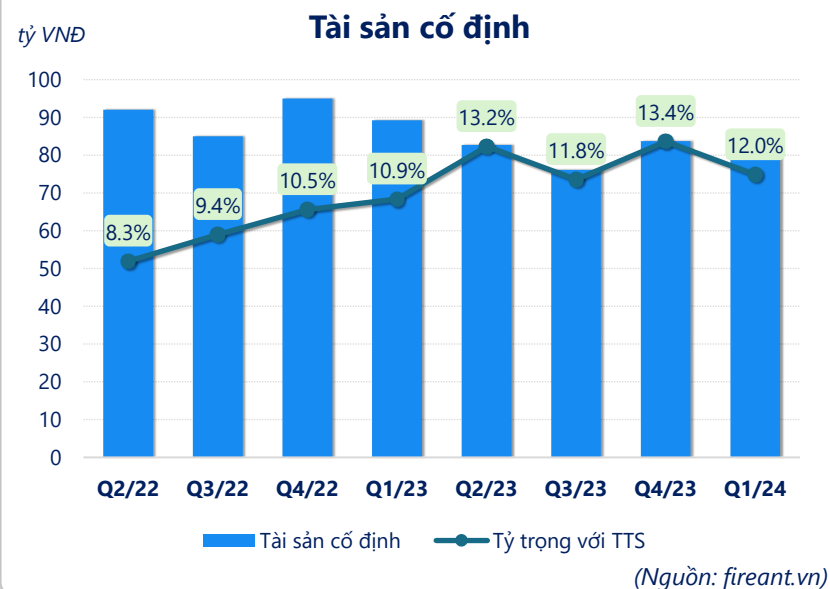
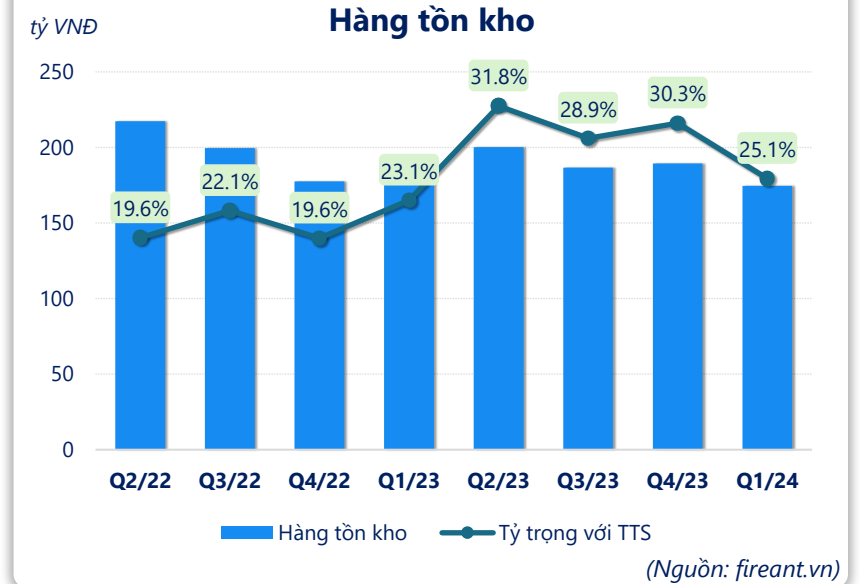
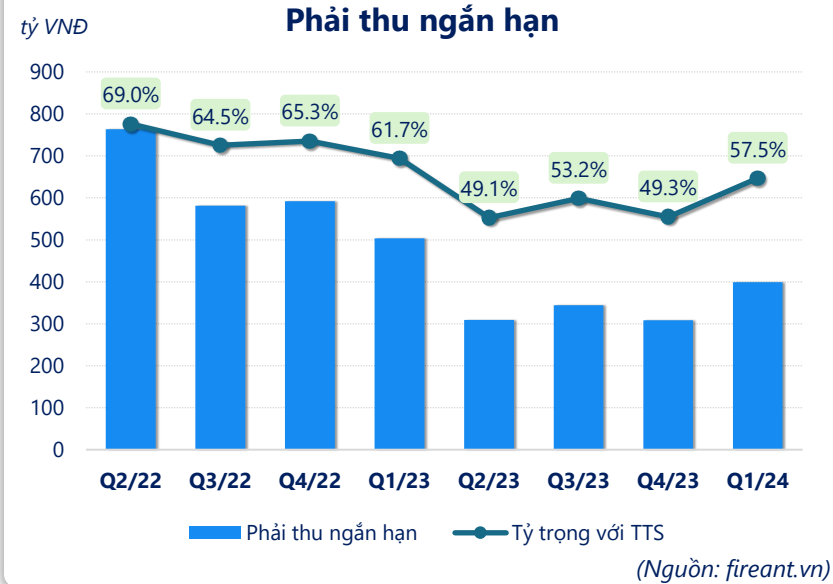
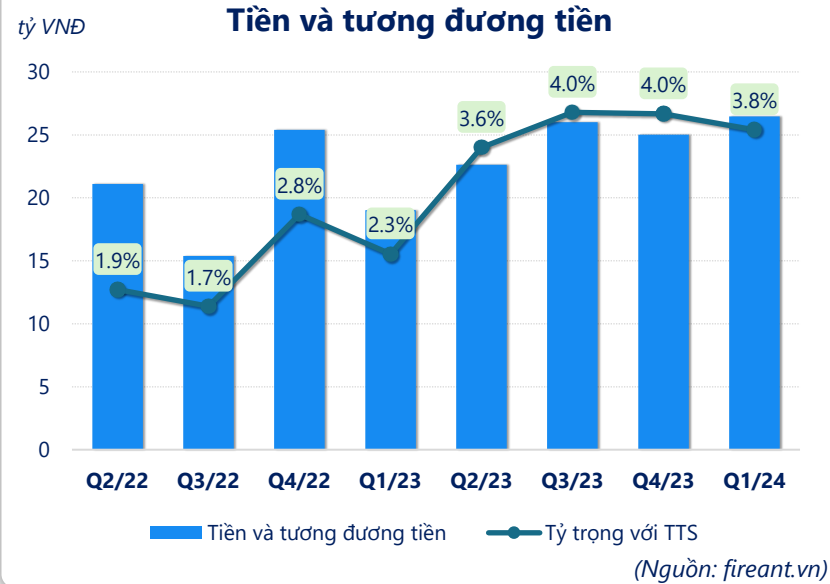
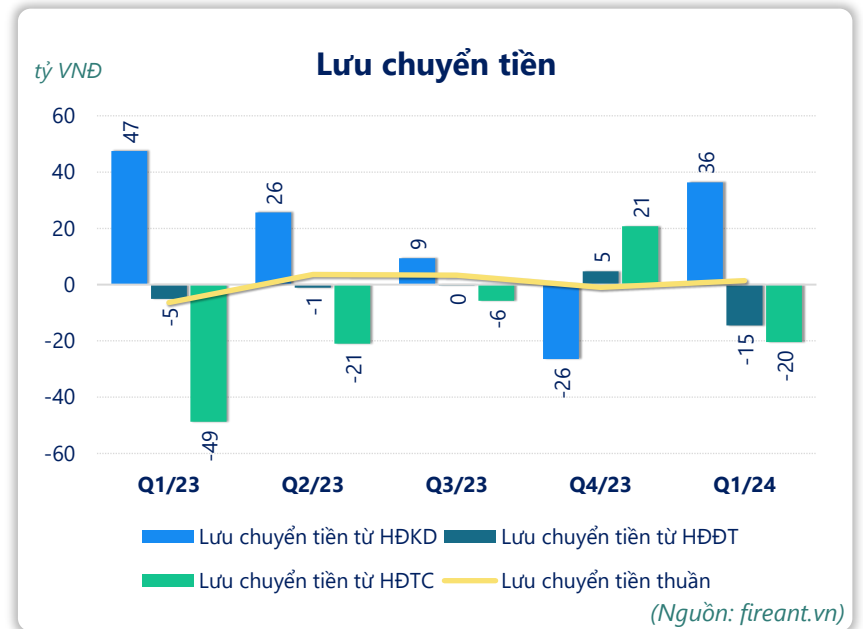
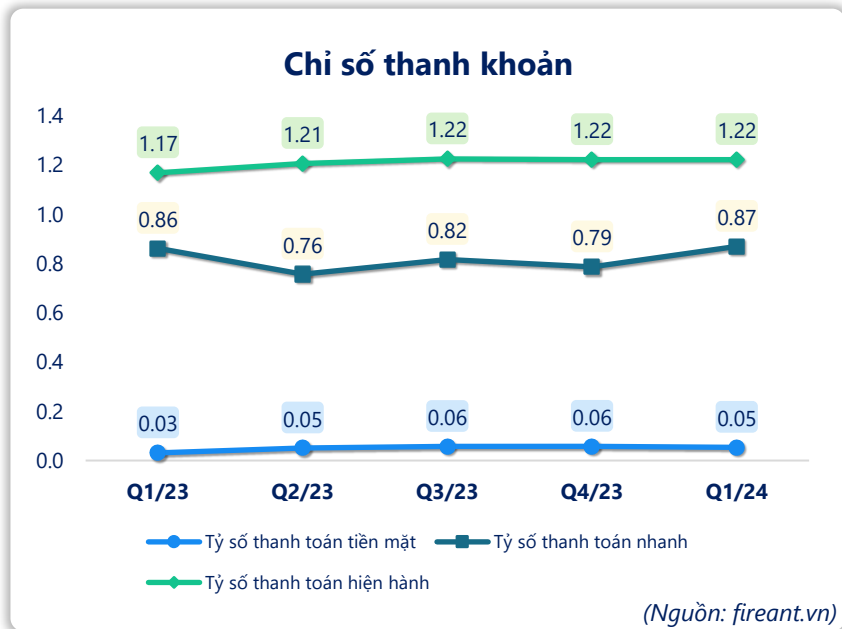
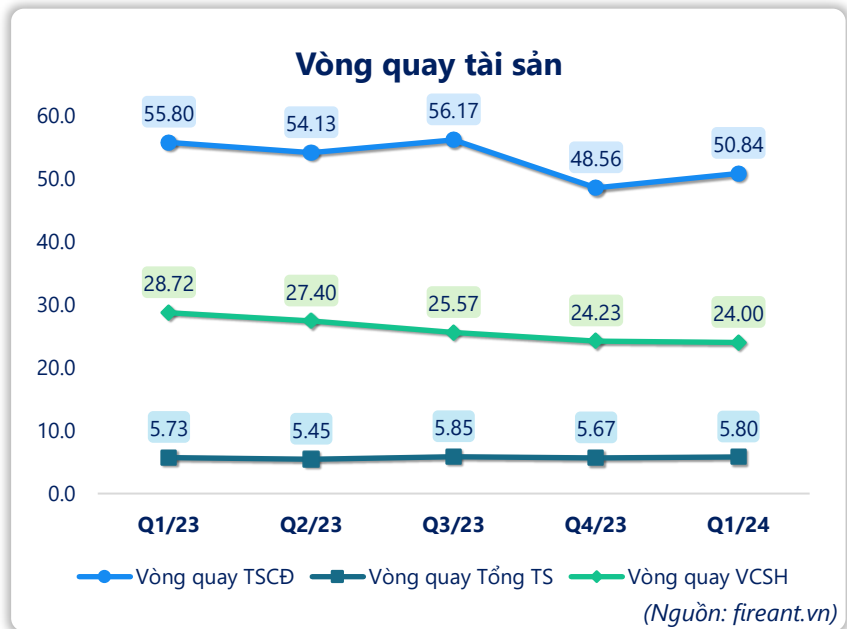
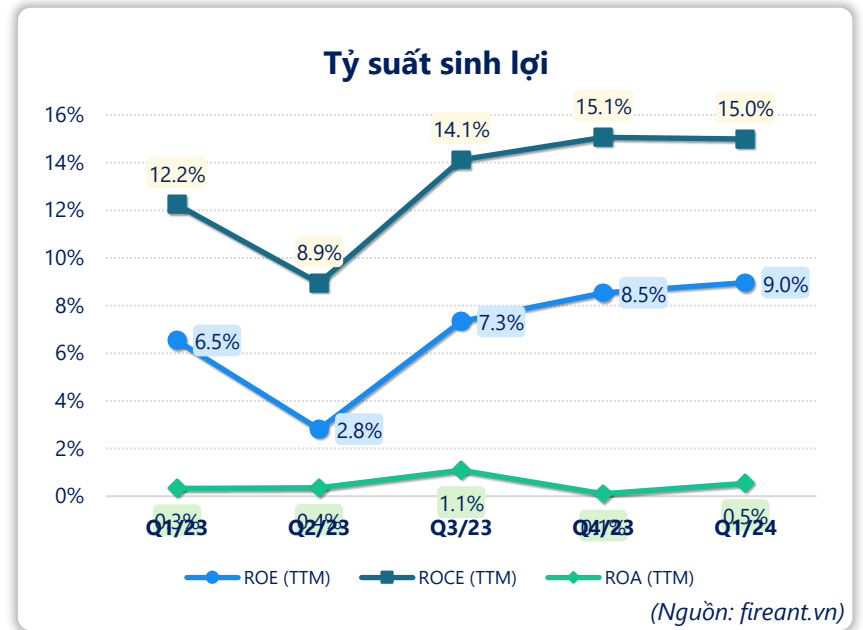
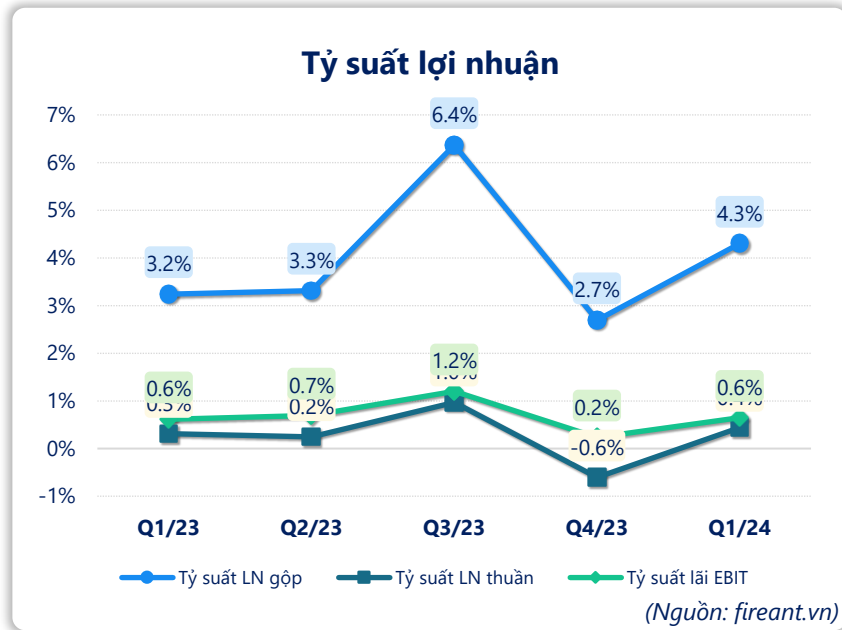
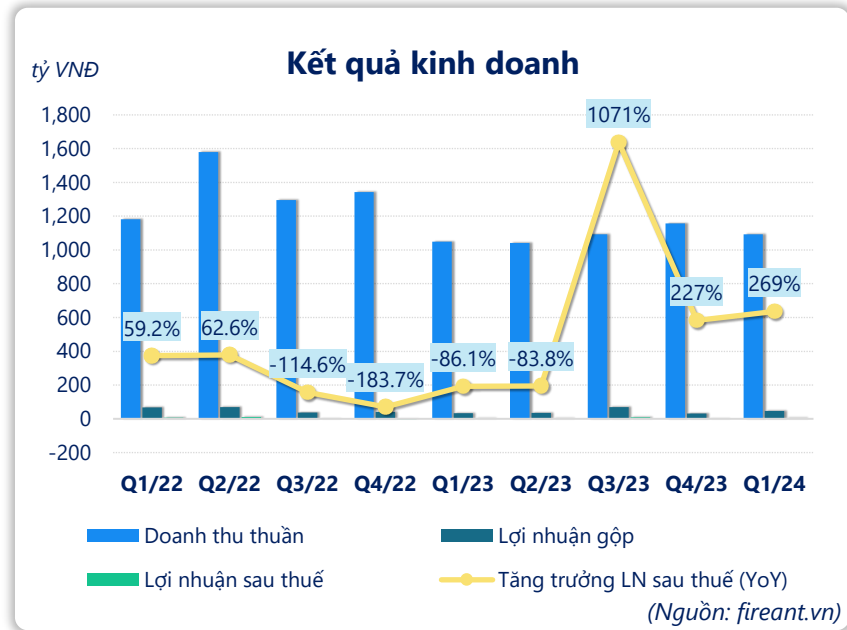


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,100
SL cổ phiếu LH		15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		165
P/E		10.1
EPS		1,091

	YTD	1T	3T	6T
MTS	7.8%	7.8%	7.8%	6.8%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	695	626	11.0%
Tài sản ngắn hạn	605	531	13.9%
Tiền và tương đương tiền	26.5	25.0	5.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	399	308	29.5%
Hàng tồn kho	175	189	-7.8%
Tài sản ngắn hạn khác	4.69	8.57	-45.3%
Tài sản dài hạn	89.8	94.4	-5.0%
Phải thu dài hạn	0.13	0.13	0.0%
Tài sản cố định	83.1	83.7	-0.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.09	2.87	-96.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.39	7.75	-17.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	512	447	14.5%
Nợ ngắn hạn	495	435	13.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	72.7	97.8	-25.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	373	286	30.4%
Nợ dài hạn	17.4	12.7	37.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	17.4	12.7	37.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	182	178	2.3%
Vốn chủ sở hữu	182	178	2.3%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	1,049	1,041	1,093	1,156	1,093
Giá vốn hàng bán	1,015	1,007	1,023	1,125	1,046
Lợi nhuận gộp	34.0	34.5	69.6	31.1	47.0
Doanh thu HĐTC	0.02	0.06	0.04	0.03	0.02
Chi phí TC	2.70	3.32	2.59	1.61	1.96
Chi phí lãi vay	2.69	3.30	2.57	1.57	1.94
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	17.7	17.2	36.8	13.4	26.8
Chi phí QLDN	10.4	11.6	19.7	23.1	13.4
LN thuần từ HĐKD	3.25	2.52	10.6	-7.00	4.78
Lợi nhuận khác	0.51	1.41	-0.04	8.14	0.33
LN trước thuế	3.76	3.92	10.5	1.13	5.11
Lợi nhuận sau thuế	3.00	3.05	8.44	0.80	4.09
LNST của CĐ cty mẹ	3.00	3.05	8.44	0.80	4.09

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.5	25.7	9.42	-26.5	36.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.09	-1.05	-0.26	4.75	-14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.7	-21.0	-5.79	20.8	-20.4
Tiền đầu kỳ	25.4	19.0	22.6	26.0	25.0
Lưu chuyển tiền thuần	-6.37	3.60	3.37	-0.98	1.45
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	19.0	22.6	26.0	25.0	26.5

(Nguồn: fireant.vn)